

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 21/07/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: - Bà Nguyễn Thùy V.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Rơ Ông Đi N

- Bà Trần Phương A

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Th - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 và theo thông báo mở lại phiên tòa số 02/2023/TB-MPT ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc D giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; HKTT: Thôn Eo B, xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Nơi cư trú: Số nhà 73A/6, Phước Th, Ph 7, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn Th, sinh năm: 1983; HKTT: Thôn Eo B, xã Thành Lo, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Nơi cư trú: Nhà trọ số 01, đường Thăng L, tổ dân phố Hợp Th, thị trấn Lạc D, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. Hiện nay đang sinh sống tại thôn, xã Đạ S, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, phiên tòa ngày 22/6/2023 nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: chị và anh Bùi Văn Th kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Hôn nhân của anh chị dựa trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm

sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, nói chuyện nhưng tình trạng vẫn không cải thiện. Thời gian vợ chồng chị ở trọ tại nhà ông D, bà T tại đường Biduop, tổ dân phố Lang Bi, thị trấn Lạc D, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ thường xuyên đánh nhau chủ nhà trọ có xuống can thiệp hòa giải. Từ năm 2020 thì vợ chồng chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn Th để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là Bùi Dung N, sinh ngày: 11/08/2009; Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014. Hiện nay cháu Bùi Dung Nh đang sinh sống cùng với bà nội tại thôn Eo B, xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Còn hai cháu Th và Tr đang sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra chị Bùi Thị H không còn yêu cầu gì khác.

2. Tại biên bản lấy lời khai, phiên tòa ngày 22/6/2023 của bị đơn anh Bùi Văn Th trình bày: anh và chị Bùi Thị H kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện dựa trên cơ sở tìm hiểu nhau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa hợp do bất đồng quan điểm sống, không đánh nhau nhưng chị H bỏ đi anh Th không biết đi đâu. Hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn thì anh Th đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: anh Bùi Văn Th xác định vợ chồng có 03 con chung là Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009; Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014. Khi ly hôn anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ba cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh Th không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi các con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì hai cháu Th và Tr do vợ anh nuôi dưỡng anh Th không cấp dưỡng gì trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân; còn cháu Nh hiện đang sinh sống cùng với bà nội tại thôn Eo B, xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Hàng tháng anh Th gửi số tiền 5.000.000đ/tháng về cho bà nội nuôi cháu Nh thông qua chị Bùi Thị H là em dâu của anh. Nếu Tòa án giao cả ba con chung cho anh thì anh sẽ gửi con về quê tại Thanh H cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng bởi vì anh Th đi làm không có thời gian chăm sóc đưa đón các cháu học hành.

Về tài sản chung: anh Th xác định vợ không có tài sản chung nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Th xác định vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra anh Bùi Văn Th không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải lần 1 vào ngày 20/4/2023, tiếp đến ngày 30/5/2023 Tòa án tiến hành hòa giải lần 2 nhưng cả hai lần hòa giải đều không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Th và đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, còn bị đơn anh Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H, anh cũng đề nghị Tòa án giao ba con cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử cho chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th được ly hôn. Về con chung: Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009; Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014. Tiếp tục giao hai cháu Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; giao cháu Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị H, anh Th xác định không có tài sản chung nên không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cũng không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th. Chị H và anh Th đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Eo B, xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H. Chị H đăng ký tạm trú tại: Số nhà 73A/6, Phước Th, Phường , thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ. Còn anh Th hiện cư trú tại Thôn , xã Đạ S, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th kết hôn năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H dựa trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th; còn anh Th cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, vợ chồng chị H, anh Th phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thể hòa hợp, không cùng nhau xây dựng được hạnh phúc. Đến nay anh chị cùng xác định đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị H, anh Th tuy chưa nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh nhau, cãi nhau được chủ nhà trọ can thiệp hòa giải nhưng không cải thiện được (BL36). Chị H, anh Th cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh Th được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Th đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009; Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014. Các bên đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Nh, Th, Tr đều có nguyện vọng được ở cùng với chị H. Tuy nhiên tại lời khai vào ngày 22/6/2023 cháu Nh có ý kiến nếu bố mẹ cháu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật giao cháu cho bố hoặc mẹ thì cháu đều đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo chị H và anh Th khai: anh chị đều là lao động tự do (làm thuê), thu nhập bình quân của chị H là từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ mỗi tháng; anh Th khai có thu nhập bình quân từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ mỗi tháng.

Theo kết quả xác minh: Hiện tại chị H đang thuê nhà trọ tại số nhà 73A/6, Phước Th, Phường , thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đ (BL 68); hai cháu Bùi Duy Th và Bùi Quốc Tr đang sống cùng chị và đang theo học tại trường Tiểu học Phước Th, thành phố Đà L.

Còn anh Bùi Văn Th trình bày: Trước đây anh làm thuê và sinh sống tại số nhà 01 đường Thăng L, tổ dân phố Hợp Th, thị trấn Lạc D, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. Sau đó vào tháng 4/2023 anh Th chuyển vào sinh sống và làm việc tại thôn 2, xã Đa S, huyện Lạc D, tỉnh Lâm Đ. Anh thuê chung vườn cùng với anh Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Văn B để trồng bông hồng (anh Th có xuất trình 01 bản photo hợp đồng thuê đất).

Tòa án đã tiến hành xác minh lấy lời khai của anh B, anh Đ và đồng thời anh Th cũng thừa nhận: anh Th chỉ là người làm thuê cho anh B và anh Đ với mức lương là 11.000.000đ/tháng. Đối với bản phôi tờ hợp đồng thuê đất mà anh Th xuất trình cho Tòa án là do anh Th tự ghi thêm tên anh Th vào, chứ thực tế các anh không làm ăn chung với anh Th (BL 61, 67). Ngoài ra, Công an xã Đa S cũng xác nhận: hiện nay anh Th không đăng ký tạm trú tại địa bàn xã Đa S.

Đối với việc anh Th trình bày: Hàng tháng anh Th là người trực tiếp gửi tiền về cho cháu Nh, trung bình 5.000.000đ/tháng thông qua người em dâu tên là Bùi

Thị H thì chị H trình bày vào năm 2022 anh Th có nhờ chị gửi số tiền: 40.000.000đ về cho bà T là mẹ của anh Th. Sau đó chị có nhờ chị L chuyển số tiền này về cho chị V để nhờ đưa cho bà T; hiện nay chị V, chị L ở đâu thì chị không biết và chị chỉ cung cấp được 01 bản photo chụp từ sao kê chuyển khoản số tiền 40.000.000đ. Còn các lần chuyển tiền khác chị không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Theo kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện Thạch Th, tỉnh Thanh H thì chị H, anh Th đều không có hành vi ngược đãi, đánh đập con chung. Tuy nhiên chính quyền địa phương có ý kiến nên giao con chung cho mẹ hoặc bố nuôi dưỡng vì hiện nay cháu Nh ở với ông, bà và chú ruột thì sẽ không đảm bảo sự phát triển của cháu. Tại biên bản lấy lời khai của anh Th trình bày khi ly hôn nếu Tòa án giao ba con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng thì anh sẽ gửi về quê tại Thanh H cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng vì anh Th đi làm thuê không có thời gian chăm sóc đưa đón các cháu học hành (BL số 26).

Từ những phân tích nêu trên để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu cả về thể chất và tinh thần giao hai cháu Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009 cho anh Th trực tiếp chăm sóc giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi các con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H, xử cho chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Dung Nh, sinh ngày: 11/08/2009 cho anh Bùi Văn Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao hai cháu Bùi Duy Th, sinh ngày: 09/8/2012 và Bùi Quốc Tr, sinh ngày: 10/3/2014 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nh, cháu Th và cháu Tr đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000924 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc D. Chị H đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đ (02);
- VKSND huyện Lạc D (03)
- Chi cục THADS huyện Lạc D;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy V

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Rơ Ông Đi Na

Trần Phương Anh

Nguyễn Thùy Vinh

